

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

Báo cáo tài chính riêng quý 01

Ngày 31 tháng 03 năm 2017

MỤC LỤC

| | <i>Trang</i> |
|---|--------------|
| Thông tin chung | 2 |
| Bảng cân đối kế toán riêng đến 31/03/2017 | 3 - 4 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 1/2017 | 5 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng đến 31/03/2017 | 6 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính riêng quý 1/2017 | 7 - 28 |



Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0300521758 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 1 năm 2004, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 23 tháng 3 năm 2009 theo Quyết định số 129/ĐKNY do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là kinh doanh vàng, bạc, nữ trang và đá quý, và xuất nhập khẩu nữ trang bằng vàng, bạc và đá quý.

Công ty có trụ sở chính tọa lạc tại số 170E, Đường Phan Đăng Lưu, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có 216 cửa hàng tại các tỉnh thành ở Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | |
|-----------------------|--------------|
| Bà Cao Thị Ngọc Dung | Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Vũ Phan | Phó Chủ tịch |
| Bà Nguyễn Thị Cúc | Thành viên |
| Ông Nguyễn Tuấn Quỳnh | Thành viên |
| Bà Nguyễn Thị Bích Hà | Thành viên |
| Bà Phạm Thị Mỹ Hạnh | Thành viên |
| Ông Lê Hữu Hạnh | Thành viên |
| Ông Lê Quang Phúc | Thành viên |

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | |
|---------------------|----------------------|
| Ông Nguyễn Thành Dư | Trưởng Ban kiểm soát |
| Bà Nguyễn Ngọc Huệ | Thành viên |
| Ông Trần Văn Dân | Thành viên |

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | |
|----------------------|-------------------|
| Bà Cao Thị Ngọc Dung | Tổng Giám đốc |
| Ông Lê Hữu Hạnh | Phó Tổng Giám đốc |
| Bà Nguyễn Thị Cúc | Phó Tổng Giám đốc |
| Bà Phạm Thị Mỹ Hạnh | Phó Tổng Giám đốc |

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Bà Cao Thị Ngọc Dung.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ 1 - Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

Đơn vị tính : VNĐ

| | CHỈ TIÊU | MS | TM | SỐ CUỐI KỲ | SỐ ĐẦU NĂM |
|------------|---|------------|----|--------------------------|--------------------------|
| A | TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 3,095,652,981,264 | 3,093,009,616,407 |
| I | Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 120,776,930,330 | 150,275,926,525 |
| 1 | Tiền | 111 | | 35,711,930,330 | 65,775,926,525 |
| 2 | Các khoản tương đương tiền | 112 | | 85,065,000,000 | 84,500,000,000 |
| II | Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 0 | 65,000,000 |
| 3 | Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | | 65,000,000 |
| III | Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 100,095,716,863 | 82,241,929,516 |
| 1 | Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | | 40,751,960,370 | 34,523,228,986 |
| 2 | Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 28,514,419,433 | 18,557,867,930 |
| 6 | Phải thu ngắn hạn khác | 136 | | 29,155,880,316 | 28,092,938,520 |
| 7 | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*) | 137 | | | |
| 8 | Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | 1,673,456,744 | 1,067,894,080 |
| IV | Hàng tồn kho | 140 | | 2,826,578,369,655 | 2,816,746,572,329 |
| 1 | Hàng tồn kho | 141 | | 2,826,578,369,655 | 2,816,746,572,329 |
| 2 | Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | 149 | | - | - |
| V | Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 48,201,964,416 | 43,680,188,037 |
| 1 | Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 45,229,240,801 | 43,042,333,528 |
| 2 | Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 0 | 679,179 |
| 3 | Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước | 153 | | 2,972,723,615 | 637,175,330 |
| 5 | Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | 0 | 0 |
| B | TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 500,838,642,648 | 498,045,418,497 |
| I | Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 28,160,837,741 | 25,327,846,311 |
| 6 | Phải thu dài hạn khác | 216 | | 28,160,837,741 | 25,327,846,311 |
| II | Tài sản cố định | 220 | | 411,014,924,849 | 413,908,550,228 |
| 1 | Tài sản cố định hữu hình | 221 | | 202,752,693,765 | 205,305,008,346 |
| | - Nguyên giá | 222 | | 373,132,578,443 | 366,644,007,032 |
| | - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223 | | (170,379,884,678) | (161,338,998,686) |
| 3 | Tài sản cố định vô hình | 227 | | 208,262,231,084 | 208,603,541,882 |
| | - Nguyên giá | 228 | | 213,344,195,473 | 213,344,195,473 |
| | - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 229 | | (5,081,964,389) | (4,740,653,591) |
| IV | Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 9,663,078,966 | 7,532,817,898 |
| 2 | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | 9,663,078,966 | 7,532,817,898 |
| V | Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 20,000,000,000 | 20,000,000,000 |
| 1 | Đầu tư vào công ty con | 251 | | 20,000,000,000 | 20,000,000,000 |
| 2 | Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 0 | 0 |
| 3 | Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 395,271,613,400 | 395,271,613,400 |
| 4 | Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*) | 254 | | (395,271,613,400) | (395,271,613,400) |
| VI | Tài sản dài hạn khác | 260 | | 31,999,801,092 | 31,276,204,060 |
| 1 | Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | 29,076,717,118 | 28,353,120,086 |
| 2 | Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | 2,923,083,974 | 2,923,083,974 |
| | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 3,596,491,623,912 | 3,591,055,034,904 |

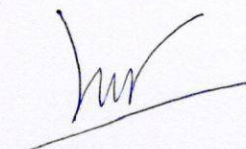
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 QUÝ 1 - Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017


Đơn vị tính: VNĐ


| | | | | |
|-----------|-------------------------------------|------------|--------------------------|--------------------------|
| C | NỢ PHẢI TRẢ | 300 | 1,851,359,342,423 | 2,092,223,670,982 |
| I | Nợ ngắn hạn | 310 | 1,789,530,141,179 | 2,026,224,469,738 |
| 1 | Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 321,911,768,775 | 325,581,536,057 |
| 2 | Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 19,801,093,984 | 55,810,213,794 |
| 3 | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 92,622,872,353 | 86,322,377,598 |
| 4 | Phải trả người lao động | 314 | 27,504,905,428 | 26,829,393,326 |
| 5 | Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 50,851,663,016 | 6,354,714,739 |
| 9 | Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 28,669,380,964 | 27,167,081,033 |
| 10 | Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 1,235,218,218,054 | 1,457,954,945,047 |
| 11 | Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | |
| 12 | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | 12,950,238,605 | 40,204,208,144 |
| II | Nợ dài hạn | 330 | 61,829,201,244 | 65,999,201,244 |
| 7 | Phải trả dài hạn khác | 337 | 628,026,000 | 628,026,000 |
| 8 | Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 54,824,000,000 | 58,994,000,000 |
| 12 | Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | 6,377,175,244 | 6,377,175,244 |
| D | VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | 1,745,132,281,489 | 1,498,831,363,922 |
| I | Vốn chủ sở hữu | 410 | 1,745,132,281,489 | 1,498,831,363,922 |
| 1 | Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | 982,745,770,000 | 982,745,770,000 |
| 2 | Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | |
| 5 | Cổ phiếu quỹ (*) | 415 | (7,090,000) | (7,090,000) |
| 6 | Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | - | - |
| 7 | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | - | - |
| 8 | Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 144,087,556,918 | 144,087,556,918 |
| 9 | Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | - | - |
| 11 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | 618,306,044,571 | 372,005,127,004 |
| | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | 3,596,491,623,912 | 3,591,055,034,904 |

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| CHỈ TIÊU | Ngày 31 tháng 03 năm 2017 | Ngày 31 tháng 12 năm 2016 |
|---------------------|------------------------------|------------------------------|
| - Đô la Mỹ ("\$") | 41,240 | 137,582 |
| - Vàng thỏi (chì) | 7,090 | 3,850 |
| - Đô la Úc ("AUD") | 491 | 495 |
| - Đồng Euro ("EUR") | 516 | 518 |


 Nguyễn Thành Đạt
 Người lập


 Dương Quang Hải
 Kế toán trưởng


 Cao Thị Ngọc Dung
 Tổng Giám đốc



Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

Mẫu B01a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
QUY 1 NĂM 2017

| TT | CHỈ TIÊU | MS | TM | Q1/2017 | Q1/2016 | LŨY KẾ 2017 | LŨY KẾ 2016 |
|----|--|-----------|----|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| 1 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | | 3,134,931,371,565 | 2,331,406,506,794 | 3,134,931,371,565 | 2,331,406,506,794 |
| 2 | Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | 17,673,134,699 | 13,170,389,634 | 17,673,134,699 | 13,170,389,634 |
| 3 | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 3,117,258,236,866 | 2,318,236,117,160 | 3,117,258,236,866 | 2,318,236,117,160 |
| 4 | Giá vốn hàng bán | 11 | | 2,575,627,300,009 | 1,904,749,294,352 | 2,575,627,300,009 | 1,904,749,294,352 |
| 5 | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 541,630,936,857 | 413,486,822,808 | 541,630,936,857 | 413,486,822,808 |
| 6 | Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | | 1,941,614,976 | 184,127,067 | 1,941,614,976 | 184,127,067 |
| 7 | Chi phí tài chính | 22 | | 19,134,863,796 | 106,575,125,755 | 19,134,863,796 | 106,575,125,755 |
| 8 | <i>Trong đó, Chi phí lãi vay</i> | 23 | | 18,419,684,099 | 21,319,390,220 | 18,419,684,099 | 21,319,390,220 |
| 9 | Chi phí bán hàng | 25 | | 178,732,679,586 | 130,104,475,759 | 178,732,679,586 | 130,104,475,759 |
| 10 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | | 37,525,778,232 | 26,824,758,359 | 37,525,778,232 | 26,824,758,359 |
| 11 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 308,179,230,219 | 150,166,590,002 | 308,179,230,219 | 150,166,590,002 |
| 12 | Thu nhập khác | 31 | | 230,801,025 | 631,429,310 | 230,801,025 | 631,429,310 |
| 13 | Chi phí khác | 32 | | 396,224,952 | 103,322,375 | 396,224,952 | 103,322,375 |
| 14 | Lợi nhuận khác | 40 | | (165,423,927) | 528,106,935 | (165,423,927) | 528,106,935 |
| 15 | Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 308,013,806,292 | 150,694,696,937 | 308,013,806,292 | 150,694,696,937 |
| 16 | Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | | 61,712,888,725 | 30,333,557,040 | 61,712,888,725 | 30,333,557,040 |
| 17 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | 60 | | 246,300,917,567 | 120,361,139,897 | 246,300,917,567 | 120,361,139,897 |
| 18 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | | 2,506 | 1,225 | 2,506 | 1,225 |

(Handwritten signature)

Nguyễn Thành Đạt
Người lập

(Handwritten signature)

Dương Quang Hải
Kế toán trưởng



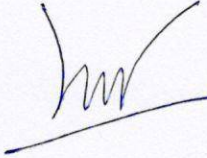
Cao Thị Ngọc Dung
Tổng Giám đốc


Ngày 18 tháng 04 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ 1 NĂM 2017


VNĐ

| STT | CHỈ TIÊU | MS | NĂM NAY | NĂM TRƯỚC |
|------------|--|-----------|--------------------------|--------------------------|
| I | Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1 | Lợi nhuận trước thuế | 01 | 308,013,806,292 | 150,694,696,937 |
| 2 | Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| | - Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | 9,410,430,908 | 8,134,681,420 |
| | - Các khoản dự phòng | 03 | | 84,691,750,000 |
| | - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (1,348,212,636) | (33,781,401) |
| | - Chi phí lãi vay | 06 | 18,419,684,099 | 21,319,390,220 |
| | - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | |
| 3 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 334,495,708,663 | 264,806,737,176 |
| | - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | (23,022,327,062) | (21,921,322,561) |
| | - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | (9,831,797,326) | (119,970,255,796) |
| | - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | (16,175,183,833) | 61,055,896,743 |
| | (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp) | | | |
| | - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | (2,910,504,305) | 3,399,818,462 |
| | - Tiền lãi vay đã trả | 14 | (19,695,265,574) | (13,851,540,753) |
| | - Thuế TNDN đã nộp | 15 | (58,219,724,983) | (8,967,059,602) |
| | - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | 57,025,230 | - |
| | - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | (6,850,315,070) |
| | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 204,697,930,810 | 157,701,958,599 |
| II | Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1 | Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | (8,651,620,479) | (6,811,426,165) |
| 2 | Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | 4,000,000 | |
| 7 | Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 1,348,212,636 | 33,781,401 |
| | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (7,299,407,843) | (6,777,644,764) |
| III | Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 3 | Tiền thu từ đi vay | 33 | 740,096,780,632 | 673,561,082,083 |
| 4 | Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (966,994,299,794) | (780,057,832,826) |
| 6 | Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (49,136,934,000) |
| | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (226,897,519,162) | (155,633,684,743) |
| | Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | (29,498,996,195) | (4,709,370,908) |
| | Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | 150,275,926,525 | 34,348,296,246 |
| | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái | 61 | - | - |
| | Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | 120,776,930,330 | 29,638,925,338 |


Nguyễn Thành Đạt
Người lập


Dương Quang Hải
Kế toán trưởng




Cao Thị Ngọc Dung
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0300521758 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004 và các giấy chứng nhận đăng ký điều chỉnh.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là kinh doanh vàng, bạc, nữ trang và đá quý, và xuất nhập khẩu nữ trang bằng vàng, bạc và đá quý.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính tại số 170 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có 216 cửa hàng tọa lạc tại các tỉnh và thành phố khác nhau ở Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2017 là 4.272 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 3.951 người).

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017, các công ty con của Công ty bao gồm:

- Công ty TNHH Một thành viên Thời trang CAO- Công ty con
- Công ty TNHH Một thành viên Giám định PNJ- Công ty con

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017, Công ty có 43 chi nhánh tọa lạc tại các tỉnh và thành phố khác nhau ở Việt Nam. Trong đó, một số chi nhánh lớn bao gồm:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận - Chi nhánh PNJ Biên Hòa
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận - Chi nhánh PNJ Đà Nẵng
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận - Chi nhánh PNJ Hà Nội
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận - Chi nhánh PNJ Cần Thơ
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận - Chi nhánh PNJ Tây Nguyên

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng này được lập để trình bày tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 03 năm 2017 và kết quả kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Vì thế, Công ty không thực hiện hợp nhất khoản đầu tư vào công ty con trong báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với khoản đầu tư của Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 5 dưới đây.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

III. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017 của Công ty.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản đương tương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

tự nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Số năm

Nhà xưởng và vật kiến trúc
Máy móc, thiết bị

03 - 25
03 - 15

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Phương tiện vận tải

04 - 10

Thiết bị văn phòng

03 - 08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ba năm.

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán khi công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu hao.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích phục vụ cho việc bán hàng được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm quyền sử dụng đất và chi phí phát sinh liên quan đến việc xây dựng trung tâm thương mại phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm:

- Chi phí thuê trả trước bao gồm chi phí thuê đất và thuê cửa hàng trả trước nhiều năm theo các hợp đồng thuê hoạt động và được phân bổ theo thời gian thuê;
- Công cụ, dụng cụ sản xuất dùng trên 1 năm có giá trị lớn; và
- Chi phí khác được phân bổ từ 2 đến 3 năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán vào các chi phí phát sinh trong năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Thuế thu nhập hiện hành

- Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

- Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

VI. CÁC SỰ KIỆN VÀ GIAO DỊCH TRỌNG YẾU

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | Ngày 31 tháng 03 năm 2017 | Ngày 31 tháng 12 năm 2016 |
|--------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Tiền mặt | 25,506,622,709 | 43,880,544,353 |
| Tiền gửi ngân hàng | 8,466,839,936 | 17,438,949,836 |
| Tiền đang chuyển | 1,738,467,685 | 4,456,432,336 |
| Tương đương tiền | 85,065,000,000 | 84,500,000,000 |
| TỔNG CỘNG | <u>120,776,930,330</u> | <u>150,275,926,525</u> |

2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

| | Ngày 31 tháng 03 năm 2017 | Ngày 31 tháng 12 năm 2016 |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Phải thu bên thứ ba | 38,089,454,305 | 33,700,545,495 |
| Phải thu bên liên quan (<i>Thuyết minh số 21</i>) | 2,662,506,065 | 822,683,491 |
| TỔNG CỘNG | <u>40,751,960,370</u> | <u>34,523,228,986</u> |

3. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

| | Ngày 31 tháng 03 năm 2017 | Ngày 31 tháng 12 năm 2016 |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Tạm ứng nhân viên | 6,813,275,335 | 705,372,244 |
| Phải thu bên thứ ba | 7,230,306,781 | 7,145,268,076 |
| Phải thu bên liên quan (<i>Thuyết minh số 21</i>) | 15,112,298,200 | 20,242,298,200 |
| TỔNG CỘNG | <u>29,155,880,316</u> | <u>28,092,938,520</u> |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | (0) | (0) |
| GIÁ TRỊ THUẦN | <u>29,155,880,316</u> | <u>28,092,938,520</u> |

TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ

| | Ngày 31 tháng 03 năm 2017 | | Ngày 31 tháng 12 năm 2016 | |
|------------------|------------------------------|-----------------------------|------------------------------|-----------------------------|
| | Số lượng (chỉ) | Giá trị | Số lượng (chỉ) | Giá trị |
| Vàng (chỉ) | 350 | 1,186,615,181 | 230 | 770,583,999 |
| Tài sản khác | | 486,841,563 | | 297,310,081 |
| TỔNG CỘNG | | <u>1,673,456,744</u> | | <u>1,067,894,080</u> |

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

4. HÀNG TỒN KHO

| | Ngày 31 tháng 03 năm 2017 | Ngày 31 tháng 12 năm 2016 |
|-------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Hàng hóa | 2,211,440,969,062 | 1,976,744,705,226 |
| Hàng gửi đi bán | 63,402,233,156 | 62,864,818,682 |
| Nguyên vật liệu | 111,149,708,927 | 147,661,925,780 |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 197,685,952,271 | 284,243,247,575 |
| Thành phẩm | 158,779,415,472 | 233,956,735,746 |
| Công cụ, dụng cụ | 26,413,680,334 | 25,257,327,045 |
| Hàng mua đang đi trên đường | 57,706,410,433 | 86,017,812,275 |
| TỔNG CỘNG | 2,826,578,369,655 | 2,816,746,572,329 |

Hàng tồn kho trị giá 690.467.990.000 đồng được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 10).

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC:

NGẮN HẠN

| | Ngày 31 tháng 03 năm 2017 | Ngày 31 tháng 12 năm 2016 |
|-----------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí thuê cửa hàng | 5,702,361,916 | 4,941,083,841 |
| Chi phí đồng phục nhân viên | 4,606,082,000 | 6,242,736,500 |
| Chi phí công cụ và dụng cụ | 31,701,198,650 | 27,294,680,295 |
| Chi phí sửa chữa, khác | 3,219,598,235 | 4,563,832,892 |
| TỔNG CỘNG | 45,229,240,801 | 43,042,333,528 |

DÀI HẠN

| | Ngày 31 tháng 03 năm 2017 | Ngày 31 tháng 12 năm 2016 |
|----------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí thuê cửa hàng | 605,645,972 | 898,700,471 |
| Chi phí quảng cáo | 1,072,611,428 | 1,433,045,277 |
| Chi phí công cụ và dụng cụ | 8,648,203,216 | 9,762,659,984 |
| Chi phí sửa chữa, khác | 18,750,256,502 | 16,258,714,354 |
| TỔNG CỘNG | 29,076,717,118 | 28,353,120,086 |

6. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC :

| | Ngày 31 tháng 03 năm 2017 | Ngày 31 tháng 12 năm 2016 |
|-------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Ký quỹ, ký cược dài hạn | 28,160,837,741 | 25,327,846,311 |
| TỔNG CỘNG | 28,160,837,741 | 25,327,846,311 |

- Đây khoản tiền ký quỹ thuê mặt bằng kinh doanh của các đơn vị.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 báo ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà cửa và vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị văn phòng | Tổng cộng |
|---------------------------------|-----------------------------|---------------------|------------------------|-----------------------|-------------------|
| Nguyên giá: | | | | | VNĐ |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 | 128,935,217,684 | 183,177,587,017 | 18,590,288,516 | 35,940,913,815 | 366,644,007,032 |
| Tăng trong kỳ | - | 4,360,780,091 | 1,756,720,000 | 403,859,320 | 6,521,359,411 |
| Thanh lý | - | (32,788,000) | - | - | (32,788,000) |
| Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017 | 128,935,217,684 | 187,505,579,108 | 20,347,008,516 | 36,344,773,135 | 373,132,578,443 |
| Trong đó: | | | | | |
| Đã khấu hao hết | - | - | - | - | - |
| Giá trị khấu hao lũy kế: | | | | | |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 | (25,948,425,860) | (103,657,593,569) | (6,847,091,236) | (24,885,888,021) | (161,338,998,686) |
| Khấu hao trong kỳ | (1,364,360,301) | (5,533,670,970) | (463,352,614) | (1,707,736,225) | (9,069,120,110) |
| Thanh lý | - | 28,234,118 | - | - | 28,234,118 |
| Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017 | (27,312,786,161) | (109,163,030,421) | (7,310,443,850) | (26,593,624,246) | (170,379,884,678) |
| Giá trị còn lại: | | | | | |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 | 102,986,791,824 | 79,519,993,448 | 11,743,197,280 | 11,055,025,794 | 205,305,008,346 |
| Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017 | 101,622,431,523 | 78,342,548,687 | 13,036,564,666 | 9,751,148,889 | 202,752,693,765 |

Nhà cửa, máy móc thiết bị được sử dụng để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 13).

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | VNĐ | | |
|---------------------------------|------------------------------|----------------------|------------------|
| | Quyền sử dụng đất lâu dài | Phần mềm máy tính | Tổng cộng |
| Nguyên giá: | | | |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 | 205,405,507,890 | 7,938,687,583 | 213,344,195,473 |
| Tăng trong kỳ | - | - | - |
| Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017 | 205,405,507,890 | 7,938,687,583 | 213,344,195,473 |
| Giá trị khấu trừ lũy kế: | | | |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 | - | (4,740,653,591) | (4,740,653,591) |
| Khấu hao trong kỳ | - | (341,310,798) | (341,310,798) |
| Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017 | - | (5,081,964,389) | (5,081,964,389) |
| Giá trị còn lại: | | | |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 | 205,405,507,890 | 3,198,033,992 | 208,603,541,882 |
| Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017 | 205,405,507,890 | 2,856,723,194 | 208,262,231,084 |

Quyền sử dụng đất được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (*Thuyết minh số 13*).

8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

8.1 Đầu tư vào công ty con

| Tên công ty con | Ngày 31 tháng 03 năm 2017 | | Ngày 31 tháng 12 năm 2016 | |
|-----------------------------|---------------------------|-----------------|---------------------------|-----------------|
| | Giá trị đầu tư | Tỷ lệ sở hữu | Giá trị đầu tư | Tỷ lệ sở hữu |
| | VND | | VND | |
| Công ty TNHH Thời trang CAO | 10,000,000,000 | 100% | 10,000,000,000 | 100% |
| Công ty TNHH Giám định PNJ | 10,000,000,000 | 100% | 10,000,000,000 | 100% |
| TỔNG CỘNG | 20,000,000,000 | | 20,000,000,000 | |

Công ty TNHH Thời trang CAO ("CAO") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0309279212 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 8 năm 2009. CFC có trụ sở đăng ký tọa lạc tại số 170E Đường Phan Đăng Lưu, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của CFC là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thời trang, trang sức vàng và bạc, các sản phẩm nghệ thuật và thủ công, nhập khẩu và xuất khẩu các sản phẩm nghệ thuật và thủ công.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

8.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

Công ty TNHH Giám định PNJ (“PNJL”) là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0310521330 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 12 năm 2010. PLC có trụ sở đăng ký tọa lạc tại số 168A Phan Đăng Lưu, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của PLC là cung cấp dịch vụ giám định và tư vấn liên quan đến vàng, bạc và đá quý.

8.2 Đầu tư dài hạn khác

| Tên đơn vị | Ngày 31 tháng 03 năm 2017 | | Ngày 31 tháng 12 năm 2016 | |
|---|---------------------------|------------------------|---------------------------|------------------------|
| | Số lượng cổ phiếu | Giá trị đầu tư | Số lượng cổ phiếu | Giá trị đầu tư |
| | | VNĐ | | VNĐ |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á (“DAB”) (i) | 38,496,250 | 395,271,613,400 | 38,496,250 | 395,271,613,400 |
| TỔNG CỘNG | | 395,271,613,400 | | 395,271,613,400 |
| Dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu NH Đông Á | | (395,271,613,400) | | (395,271,613,400) |
| GIÁ TRỊ THUẬN | | 0 | | 0 |

8.3 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

| | VNĐ | |
|---|--|--|
| | Cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017 | Cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016 |
| Số đầu kỳ | 395,271,613,400 | 395,271,613,400 |
| Cộng : Dự phòng trích lập trong kỳ | - | - |
| Trừ : Dự phòng hoàn nhập trong kỳ | - | - |
| Số cuối kỳ | 395,271,613,400 | 395,271,613,400 |
| Trong đó: Dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu Ngân hàng Đông Á | 395,271,613,400 | 395,271,613,400 |

10. VAY NGẮN HẠN

| | VNĐ | |
|---|------------------------------|------------------------------|
| | Ngày 31 tháng 03 năm 2017 | Ngày 31 tháng 12 năm 2016 |
| Vay ngân hàng | 978,889,098,080 | 1,177,072,577,649 |
| Vay cá nhân | 224,435,119,974 | 248,988,367,398 |
| Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 14) | 31,894,000,000 | 31,894,000,000 |
| TỔNG CỘNG | 1,235,218,218,054 | 1,457,954,945,047 |

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng thương mại với lãi suất thả nổi để phục vụ nhu cầu vốn lưu động của công ty được trình bày như sau:

| NGÂN HÀNG | SỐ TIỀN | NGÀY ĐÁO HẠN | LÃI SUẤT | HÌNH THỨC ĐAM BẢO |
|-------------------------------------|--------------------------|---|----------|---|
| VAY NGẮN HẠN VNĐ | 851,102,632,318 | | | |
| China Construction Bank Corporation | 9,676,880,000 | Ngày 26 tháng 05 năm 2017 | 6.0% | Hàng tồn kho |
| Ngân hàng TNHH CTBC - CN TP.HCM | 66,600,000,000 | Từ ngày 08 tháng 05 đến ngày 28 tháng 08 năm 2017 | 6.0% | Hàng tồn kho |
| Ngân hàng TMCP Công Thương - CNI | 368,167,530,402 | Từ ngày 03 tháng 04 đến ngày 31 tháng 07 năm 2017 | 5.4% | Hàng tồn kho |
| Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex | 50,747,590,000 | Từ ngày 12 tháng 04 đến ngày 08 tháng 06 năm 2017 | 5.9% | Tín chấp |
| Ngân hàng Shinhan Việt Nam | 60,000,000,000 | Từ ngày 20 tháng 04 đến ngày 30 tháng 05 năm 2017 | 5.6% | Tín chấp |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương VCB | 261,462,761,916 | Từ ngày 04 tháng 05 đến ngày 14 tháng 09 năm 2017 | 5.5% | Nhà 46 Ngô Quyền, Nhà 359 Phan Chu Trinh, máy móc thiết bị trị giá 50 tỷ đồng |
| Ngân hàng TMCP Quốc Tế VIB | 34,447,870,000 | Từ ngày 14 tháng 04 đến ngày 18 tháng 05 năm 2017 | 6.0% | Hàng tồn kho |
| VAY NGẮN HẠN USD | 127,786,465,762 | | | |
| Ngân hàng BIDV CN Học Môn | 98,121,305,268 | Từ ngày 07 tháng 06 đến ngày 17 tháng 09 năm 2017 | 2.9% | Hàng tồn kho |
| Ngân hàng TMCP Bản Việt | 29,665,160,494 | Từ ngày 02 tháng 06 đến ngày 31 tháng 08 năm 2017 | 2.4% | Tín chấp |
| HUY ĐỘNG VỐN | 224,435,119,974 | | | Tín chấp |
| VAY DÀI HẠN ĐẾN HẠN TRẢ | 31,894,000,000 | | | |
| VAY NGẮN HẠN | 1,235,218,218,054 | | | |

VAY DÀI HẠN

| | Ngày 31 tháng 03 năm 2017 | VND Ngày 31 tháng 12 năm 2016 |
|------------------|---------------------------|----------------------------------|
| Vay ngân hàng | 54,824,000,000 | 58,994,000,000 |
| TỔNG CỘNG | 54,824,000,000 | 58,994,000,000 |

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Các khoản vay dài hạn có số dư chi tiết như sau:

| VAY DÀI HẠN VNĐ | 86,718,000,000 | | | |
|-------------------------------|-----------------------|---------------------------|------|--|
| Ngân hàng TMCP Á Châu ACB | 46,018,000,000 | Ngày 30 tháng 12 năm 2020 | 8.2% | Nhà 6A Trần Nhân Tông, Nhà số 7 An Dương Vương |
| Ngân hàng TMCP Đông Á EAB | 22,200,000,000 | Ngày 02 tháng 08 năm 2018 | 6.0% | Quyền sử dụng đất 52 Nguyễn Văn Trỗi |
| Ngân hàng NN&PTNT - CN4 | 18,500,000,000 | Ngày 22 tháng 01 năm 2021 | 7.0% | Nhà PGI-05 Vincom Cần Thơ |
| TRONG ĐÓ : ĐẾN HẠN TRẢ | 31,894,000,000 | | | |
| Ngân hàng TMCP Á Châu ACB | 11,514,000,000 | | | |
| Ngân hàng TMCP Đông Á EAB | 16,680,000,000 | | | |
| Ngân hàng NN&PTNT - CN4 | 3,700,000,000 | | | |
| VAY DÀI HẠN | 54,824,000,000 | | | |

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

| | VNĐ | |
|---|---------------------------|---------------------------|
| | Ngày 31 tháng 03 năm 2017 | Ngày 31 tháng 12 năm 2016 |
| Phải trả bên thứ ba | 320,993,898,775 | 324,942,126,057 |
| Phải trả bên liên quan (<i>Thuyết minh số 21</i>) | 917,870,000 | 639,410,000 |
| TỔNG CỘNG | 321,911,768,775 | 325,581,536,057 |

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | VNĐ | |
|----------------------------|---------------------------|---------------------------|
| | Ngày 31 tháng 03 năm 2017 | Ngày 31 tháng 12 năm 2016 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 61,335,786,362 | 57,842,622,620 |
| Thuế giá trị gia tăng | 26,093,753,200 | 17,778,575,801 |
| Thuế khác | 5,193,332,791 | 10,701,179,177 |
| TỔNG CỘNG | 92,622,872,353 | 86,322,377,598 |

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

| | VNĐ | |
|---|---------------------------|---------------------------|
| | Ngày 31 tháng 03 năm 2017 | Ngày 31 tháng 12 năm 2016 |
| Phải trả bên thứ ba | 28,262,531,644 | 26,895,245,413 |
| Phải trả bên liên quan (<i>Thuyết minh số 21</i>) | 406,849,320 | 271,835,620 |
| TỔNG CỘNG | 28,669,380,964 | 27,167,081,033 |

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU
14.1 Tình hình thay đổi nguồn vốn chủ sở hữu

| | Vốn cổ phần | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Tổng cộng |
|---|-----------------|-------------------------|-----------------|--------------------------|---|-------------------|
| Cho kỳ kế toán QUÝ I kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016: | | | | | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 | 982,745,770,000 | - | (7,090,000) | 219,647,610,783 | 170,676,962,249 | 1,373,063,253,032 |
| Tăng vốn | - | - | - | - | - | - |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ | - | - | - | - | 120,361,139,897 | 120,361,139,897 |
| Cổ tức công bố | - | - | - | - | (49,136,934,000) | (49,136,934,000) |
| Phân phối lợi nhuận | - | - | - | - | (1,000,000,000) | (1,000,000,000) |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | - | - | - |
| Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016 | 982,745,770,000 | - | (7,090,000) | 219,647,610,783 | 240,901,168,146 | 1,443,287,458,929 |
| Cho kỳ kế toán QUÝ I kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017: | | | | | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 | 982,745,770,000 | - | (7,090,000) | 144,087,556,918 | 372,005,127,004 | 1,498,831,363,922 |
| Tăng vốn điều lệ | - | - | - | - | - | - |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ | - | - | - | - | 246,300,917,567 | 246,300,917,567 |
| Cổ tức công bố | - | - | - | - | - | - |
| Phân phối lợi nhuận | - | - | - | - | - | - |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | - | - | - |
| Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017 | 982,745,770,000 | - | (7,090,000) | 219,647,610,783 | 618,306,044,571 | 1,745,132,281,489 |

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

14.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

| | Cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017 | VNĐ Cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016 |
|--|--|---|
| Vốn cổ phần đã góp của chủ sở hữu | | |
| Vốn góp đầu kỳ | 982,745,770,000 | 982,745,770,000 |
| Tăng vốn trong kỳ | - | - |
| Vốn góp cuối kỳ | <u>982,745,770,000</u> | <u>982,745,770,000</u> |
| Cổ tức đã trả | - | 49,136,934,000 |
| Cổ tức đã công bố | - | 49,136,934,000 |

14.3 Cổ phiếu - cổ phiếu phổ thông

| | Ngày 31 tháng 03 năm 2017 | Ngày 31 tháng 12 năm 2016 |
|--|------------------------------|------------------------------|
| | Số cổ phiếu | Số cổ phiếu |
| Số cổ phiếu được phép phát hành | 98,274,577 | 98,274,577 |
| Số cổ phiếu đã phát hành, góp vốn đầy đủ | | |
| <i>Cổ phiếu thường</i> | 98,274,577 | 98,274,577 |
| Cổ phiếu quỹ | | |
| <i>Cổ phiếu thường</i> | (709) | (709) |
| Cổ phiếu đang lưu hành | | |
| <i>Cổ phiếu thường</i> | 98,273,868 | 98,273,868 |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng / cổ phiếu

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

15. DOANH THU

15.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017 | VNĐ Cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016 |
|-----------------------------------|--|---|
| Tổng doanh thu | 3,134,931,371,565 | 2,331,406,506,794 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i>Doanh thu bán vàng và bạc</i> | 3,126,129,401,813 | 2,322,696,078,883 |
| <i>Doanh thu bán phụ kiện</i> | 6,621,607,288 | 6,399,573,550 |
| <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i> | 2,180,362,464 | 2,310,854,361 |
| Khấu trừ: | (17,673,134,699) | (13,170,389,634) |
| <i>Hàng bán bị trả lại</i> | (17,673,134,699) | (13,170,389,634) |
| Doanh thu thuần | <u>3,117,258,236,866</u> | <u>2,318,236,117,160</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i>Doanh thu bán vàng và bạc</i> | 3,108,461,878,932 | 2,309,525,689,249 |
| <i>Doanh thu bán phụ kiện</i> | 6,615,995,470 | 6,399,573,550 |
| <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i> | 2,180,362,464 | 2,310,854,361 |

15.2 Doanh thu hoạt động tài chính

| | Cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017 | VNĐ Cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016 |
|-----------------------|--|---|
| Cổ tức nhận được | 0 | 0 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 593,402,340 | 149,345,666 |
| Lãi tiền gửi | 38,999,480 | 33,726,512 |
| Khác | 1,309,213,156 | 1,054,889 |
| TỔNG CỘNG | <u>1,941,614,976</u> | <u>184,127,067</u> |

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | Cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017 | VNĐ Cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016 |
|---|--|---|
| Giá vốn bán vàng và bạc và cung cấp dịch vụ | 2,571,009,799,258 | 1,900,251,194,753 |
| Giá vốn bán phụ kiện | 4,617,500,751 | 4,498,099,599 |
| TỔNG CỘNG | <u>2,575,627,300,009</u> | <u>1,904,749,294,352</u> |

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | VNĐ | |
|------------------------|--|--|
| | <i>Cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017</i> | <i>Cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016</i> |
| Chi phí lãi vay | 18,419,684,099 | 21,319,390,220 |
| Chi phí tài chính khác | 0 | 85,255,735,535 |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá | 715,179,697 | 0 |
| TỔNG CỘNG | <u>19,134,863,796</u> | <u>106,575,125,755</u> |

18. CHI PHÍ QUẢN LÝ, CHI PHÍ BÁN HÀNG THEO YẾU TỐ

| | VNĐ | |
|--------------------------------------|--|--|
| | <i>Cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017</i> | <i>Cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016</i> |
| Chi phí vật liệu, bao bì | 3,933,182,202 | 5,032,366,768 |
| Chi phí nhân công | 97,005,636,962 | 69,050,110,389 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 10,416,112,012 | 9,766,355,612 |
| Chi phí khấu hao và khấu trừ tài sản | 3,871,846,191 | 3,643,357,801 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 35,306,628,814 | 27,919,145,997 |
| Chi phí khác mua ngoài | 65,725,051,637 | 41,517,897,551 |
| TỔNG CỘNG | <u>216,258,457,818</u> | <u>156,929,234,118</u> |

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20%

Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

19.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì lợi nhuận chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

19.1 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế TNDN như sau:

| | VNĐ | |
|---|--|--|
| | <i>Cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017</i> | <i>Cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016</i> |
| Lợi nhuận trước thuế | 308,013,806,292 | 150,694,696,937 |
| <i>Các điều chỉnh:</i> | | |
| - Chi phí và các khoản không được khấu trừ | 550,637,328 | 973,088,264 |
| - Chênh lệch tạm thời tính thuế TNDN | - | - |
| - Cổ tức nhận được | - | - |
| Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ hiện hành | 308,564,443,620 | 151,667,785,201 |
| Thuế TNDN phải trả ước tính kỳ hiện hành | 61,712,888,725 | 30,333,557,040 |

19.2 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

| | VNĐ | | | |
|---------------------------------------|--|--------------------------------------|--|--|
| | <i>Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 03</i> | | <i>Báo cáo kết quả hoạt động lũy kế năm</i> | |
| | <i>Ngày 31 tháng 03 năm 2017</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i> | <i>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017</i> | <i>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i> |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | | | | |
| Chi phí phải trả | 2,923,083,974 | 2,923,083,974 | - | - |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | - | - | - | - |
| TỔNG CỘNG | 2,923,083,974 | 2,923,083,974 | | |

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

| | | | VNĐ |
|---|--------------------|-----------------------|----------------|
| <i>Bên liên quan</i> | <i>Mối quan hệ</i> | <i>Nội dung</i> | <i>Giá trị</i> |
| 1. Công ty TNHH Một Thành viên Thời trang CAO | Công ty con | Bán hàng hóa | 5,688,582,690 |
| | | Mua hàng hóa | 3,842,160,116 |
| 2. Công ty TNHH Một Thành viên Giám định PNJ | Công ty con | Cung cấp dịch vụ | 0 |
| | | Nhận Cung cấp dịch vụ | 336,361,900 |

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2017, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

| | | | VNĐ |
|---|--------------------|---------------------|--------------------------------|
| <i>Bên liên quan</i> | <i>Mối quan hệ</i> | <i>Nội dung</i> | <i>Phải thu (Phải trả)</i> |
| Phải thu tiền hàng | | | |
| 1. Công ty TNHH Một Thành viên Thời trang CAO | Công ty con | Bán hàng hóa | <u>2,662,506,065</u> |
| Các khoản phải thu khác | | | |
| 1. Công ty TNHH Một Thành viên Thời trang CAO | | | 15,112,298,200 |
| | | | <u>17,774,804,265</u> |
| Phải trả người bán | | | |
| 1. Công ty TNHH Một Thành viên Giám định PNJ | Công ty con | Cung cấp dịch vụ | (917,870,000) |
| Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | | | |
| 1. Công ty TNHH Một Thành viên Giám định PNJ | | Lãi vay | <u>(406,849,320)</u> |
| 2. Công ty TNHH Một Thành viên Giám định PNJ | | <i>huy động vốn</i> | (8,000,000,000) |
| | | | <u>(9,324,719,320)</u> |

21. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê các cửa hàng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 03 năm 2017, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

| | Ngày 31 tháng 03 năm 2017 | VNĐ Ngày 31 tháng 12 năm 2016 |
|------------------|-------------------------------|-------------------------------------|
| Đến 1 năm | 82,209,748,210 | 14,147,525,032 |
| Từ 1 đến 5 năm | 188,016,479,191 | 90,213,735,876 |
| Trên 5 năm | <u>119,174,294,000</u> | <u>241,897,121,767</u> |
| TỔNG CỘNG | <u>389,400,521,401</u> | <u>346,258,382,675</u> |

22. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, tiền mặt, các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay, tiền gửi và các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 03 năm 2017

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay, tiền gửi với lãi suất thả nổi của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty).

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017 vì rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt toàn bộ các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016, PNJ đã dự phòng 100% khoản đầu tư vào cổ phiếu của Ngân Hàng TMCP Đông Á là 395.271.613.400 VNĐ

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hoá nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty. Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến các khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Phần lớn doanh thu của Công ty là doanh thu bằng tiền mặt, nên không có rủi ro tín dụng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt, các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng tài sản cố định, hàng tồn kho và cổ phiếu của DAB làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (*Thuyết minh số 10 và 14*).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 03 năm 2017.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017
23. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

| | Giá trị ghi sổ | | Giá trị hợp lý | |
|------------------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|
| | Ngày 31 tháng 03 năm 2017 | Ngày 31 tháng 12 năm 2016 | Ngày 31 tháng 03 năm 2017 | Ngày 31 tháng 12 năm 2016 |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 395,271,613,400 | (395,271,613,400) | 395,271,613,400 | (395,271,613,400) |
| Phải thu khách hàng | 38,089,454,305 | - | 38,089,454,305 | 33,700,545,495 |
| Phải thu các bên liên quan | 17,774,804,265 | - | 17,774,804,265 | 21,064,981,691 |
| Các khoản phải thu khác | 14,043,582,116 | - | 14,043,582,116 | 7,850,640,320 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 120,776,930,330 | - | 120,776,930,330 | 150,275,926,525 |
| TỔNG CỘNG | 585,956,384,416 | (395,271,613,400) | 608,163,707,431 | (395,271,613,400) |
| | | | 190,684,771,016 | 212,892,094,031 |

| | Giá trị ghi sổ | | Giá trị hợp lý | |
|---|---------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|
| | Ngày 31 tháng 03 năm 2017 | Ngày 31 tháng 12 năm 2016 | Ngày 31 tháng 03 năm 2017 | Ngày 31 tháng 12 năm 2016 |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Vay | 1,282,042,218,054 | 1,507,948,945,047 | 1,282,042,218,054 | 1,507,948,945,047 |
| Phải trả người bán | 320,993,898,775 | 318,942,126,057 | 320,993,898,775 | 318,942,126,057 |
| Phải trả bên liên quan | 9,324,719,320 | 9,271,835,620 | 9,324,719,320 | 9,271,835,620 |
| Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả | 28,366,883,540 | 33,877,986,152 | 28,366,883,540 | 33,877,986,152 |
| TỔNG CỘNG | 1,640,727,719,689 | 1,870,040,892,876 | 1,640,727,719,689 | 1,870,040,892,876 |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

23. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 03 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này bằng với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

24. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG KỲ

Lợi nhuận trước thuế Quý 1/2017 đạt 308 tỷ đồng tăng 104% so với quý 1/2016, tương ứng 157,3 tỷ; hoàn thành 40% kế hoạch lợi nhuận năm 2017 :

-Quý 1/2016 PNJ ghi nhận chi phí tài chính 84.691.750.000 do trích lập dự phòng cổ phiếu Ngân hàng Đông Á, hoàn thành tỷ lệ trích lập dự phòng khoản đầu tư này lên 100% với giá trị 395.271.613.400 đồng.


-Loại trừ chi phí dự phòng tài chính năm 2016, hoạt động sản xuất kinh doanh Quý 1/2017 tăng 31% so với Quý 1/2016, tương ứng 72,6 tỷ đồng.


-Trong Quý 1/2017 doanh số PNJ đạt 3.195 tỷ đồng, trừ thuế giá trị gia tăng và hàng bán trả lại, doanh thu thuần đạt 3.117 tỷ đồng. Như vậy, quý 1/2017 doanh thu thuần tăng 34% tương ứng 800 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2016.


+ Truyền thông thương hiệu PNJ qua nhiều năm đã phát huy hiệu quả.

+ Với việc đầu tư máy móc thiết bị hiện đại, cài tiến công nghệ, quý 1/2017 PNJ đã tung ra thị trường nhiều sản phẩm mới, các bộ sưu tập phù hợp với thị hiếu.

-Bên cạnh đó, chi phí bán hàng và quản lý cũng tăng 37% tương ứng 59 tỷ đồng so với cùng kỳ quý 1/2016 do chiến lược mở rộng mạng lưới cửa hàng trong năm 2016.


Nguyễn Thành Đạt
Người lập


Dương Quang Hải
Kế toán trưởng


Cao Thị Ngọc Dung
Tổng Giám Đốc

Ngày 18 tháng 04 năm 2017

